

Year: **2012-2013** Term: **1**
 Course: **407708 - Information Security Management**
 Class: **11CIT - Cycle 3** Time: **8.00am 29 Jan, 2013**

#	Stu. ID	Name		Room
Room: 11E				
1	1140401	VUONG CHI	LUAN	11E
2	1145959	TRAN NGUYEN MINH	LUAN	11E
3	1140292	PHAM HOANG	MINH	11E
4	1140410	TRINH HO	NAM	11E
5	1145973	LE TRAN HAI	NAM	11E
6	1140341	DINH LE DUNG	NGOC	11E
7	1140342	PHAM LUONG KIEU	OANH	11E
8	1140344	LE VAN HUY	PHAT	11E
9	1245942	VU	PHON	11E
10	1140362	NGUYEN HONG	PHUC	11E
11	1140373	PHAM MINH	QUAN	11E
12	1145976	DAO MANH THUONG	QUANG	11E
13	1140392	DANG THANH	TAI	11E
14	1140402	PHAM NGOC	TAN	11E
15	1140407	TRAN CONG DUY	TAN	11E
16	1140413	HOANG HUY	THAI	11E
17	1145979	LE HOANG	THIEN	11E
18	1140417	TRUONG PHAN QUOC	THINH	11E
19	1140418	LE DUC	THUAN	11E
20	1140424	PHAN THAI	THUC	11E
21	1145981	NGUYEN LAM TRUNG	TIN	11E
22	1140435	NGUYEN THANH	TRONG	11E
23	1140426	MAI DUC	TRUNG	11E
24	1140428	NGUYEN DINH	TU	11E
25	1145988	NGUYEN MINH	TUAN	11E
26	1140430	PHAM LE MINH	TUAN	11E
27	1140433	DOAN THI CAM	VAN	11E
28	1140284	NGUYEN HAI	VU	11E
29	1140285	TRAN DAO VUONG	VU	11E
30	1140361	PHAM NGUYEN HOANG	PHI	11E
Room: 11F				
1	1140551	PHAN HUY	ANH	11F
2	1140564	HUYNH NGUYEN VIET	CUONG	11F
3	1140567	LE HOANG	DAN	11F
4	1120053	MAI CONG	DUC	11F
5	1245948	VO TRONG	DUC	11F
6	1140582	DANG	DUC	11F
7	1140276	TRAN VU TRUONG	GIANG	11F
8	1140278	PHAM TAN	HIEN	11F
9	1140188	LE TRONG	HIEU	11F
10	1140193	PING HAI	HOANG	11F
11	1140195	THAN NGOC MINH	HOANG	11F
12	1145949	DANG XUAN	HUY	11F
13	1140197	VO THIEN	HUY	11F
14	1140202	PHAN QUOC	KHANH	11F
15	1140206	LE HUU	LINH	11F
16	1140208	HOANG	LONG	11F
17	1145954	HOANG	LONG	11F
18	1140210	LIEN HONG	LONG	11F
19	1140290	TRAN VU	LONG	11F
20	1145962	NGO HOANG	LUAN	11F
21	0980938	LE QUOC	ANH	11F
22	1028295	LE MINH	TUAN	11F